

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2023
V/v: “*Tranh chấp quan hệ hôn nhân,
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công
2. Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 456/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về “*Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26-5-2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chem Thị Thu V, sinh năm 1982 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, khu phố Hương Sơn, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Bắc 8, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, khu phố Hương Sơn, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. *Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Chem Thị Thu V trình bày:*

Năm 2004, bà Chem Thị Thu V và ông Trần Văn L chính thức chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 17-3-2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc và sinh được 03 con chung. Tuy nhiên, thời gian gần đây giữa ông bà đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống có nhiều khó khăn, vợ chồng gây gổ cãi vã về tiền bạc. Trước đó ông L có đưa cho bà V số tiền 50.000.000 đồng, trong thời gian dịch Covid không có thu nhập bà đã sử

dụng số tiền này để lo cho các con ăn học và sinh hoạt trong gia đình thế nhưng ông L luôn chửi mắng và đòi lại số tiền này từ đó vợ chồng thường xảy ra bất hòa, tình cảm vợ chồng ngày càng lạt lẽo, không còn yêu thương nhau. Bà V đã dẫn các con ra ngoài thuê nhà ở riêng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay, cả hai không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L để ổn định công việc và cuộc sống.

Thời gian Tòa án giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa để tham gia hòa giải, bà và ông L cũng không gặp nhau, vợ chồng không ai có thiện chí muốn hàn gắn, tình cảm thực sự không còn nên bà V vẫn yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà V và ông L có 03 con chung là Trần Văn H, sinh ngày 28/12/2003, Trần Hoàng M, sinh ngày 06/6/2006 và Trần Gia L, sinh ngày 24/7/2016. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Hiện các con chung đều đang chung sống với bà V nên bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Hoàng M và Trần Gia L đến tuổi trưởng thành. Bà V yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu L với mức 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà V xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà V xác định mâu thuẫn đã quá căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông L. Bà V tự nguyện rút yêu cầu về việc buộc ông L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập đến Tòa làm việc nhưng ông L vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông L.

[2]. Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02-6-2023 bị đơn ông Trần Văn L trình bày:

Ông L khai về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giống như bà V đã trình bày, ông L cũng xác nhận giữa ông bà có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều điểm không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã, xung đột. Từ tháng 8/2022 đến nay bà V cùng các con dọn ra ngoài sống riêng nên ông bà đã ly thân, vợ chồng không còn quan tâm thương yêu chăm sóc nhau. Nay thấy rằng mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng đến mức không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn với bà V. Về con chung: Ông và bà V có 03 con chung là Trần Văn H, sinh ngày 28/12/2003, Trần Hoàng M, sinh ngày 06/6/2006 và Trần Gia L, sinh ngày 24/7/2016, hiện cháu H đã trưởng thành, các cháu M, L đang sống chung với bà V nên ông đồng ý giao 02 con chung chưa thành niên cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con ông L sẽ tự cấp dưỡng theo khả năng. Về tài sản chung, nợ chung: Ông L xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do công việc ông L không thể đến Tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai người làm chứng để xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông L và bà V.

[3]. Về ý kiến của người làm chứng cháu Trần Văn H:

Cháu Trần Văn H là con ruột của bà V và ông L. Cháu là con sống chung trong gia đình nên cũng có biết và chứng kiến mâu thuẫn giữa cha và mẹ. Theo cháu H biết thì từ khi mẹ sinh em Linh là giữa ba mẹ thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau nhưng cháu không biết ba mẹ cãi vã về chuyện gì. Từ năm 2021 cháu đi học ở Sài Gòn thỉnh thoảng mới về nhà và vẫn chứng kiến việc ba mẹ thường gây gổ với nhau. Tình trạng này xảy ra trong suốt một thời gian dài. Hiện nay ba mẹ không còn sống chung với nhau, ba sống một mình ở nhà của nội để lại ở Long Hương, còn mẹ và hai em sống ở nhà trọ trong Hòa Long. Thỉnh thoảng cháu vẫn thấy ba vào Hòa Long nơi mẹ đang sống và hai người tiếp tục xảy ra cãi vã. Vấn đề ly hôn là chuyện của cha mẹ do cha mẹ quyết định cháu không có ý kiến.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, lời khai con chung cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà V đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng bà V vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà V về việc ly hôn với ông L; về con chung: Giao cả hai con chung cho bà V trực tiếp

nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, công nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà V; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu; về án phí: bà V phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Chem Thị Thu V có đơn xin ly hôn, ông Trần Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thành phố Bà Rịa nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Chem Thị Thu V và ông Trần Văn L là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Ông L và bà V cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn để chung sống cùng chăm lo nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Từ tháng 8 năm 2022 đến nay vợ chồng không còn chung sống, tình cảm không còn, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã nhiều lần vận động hòa giải nhưng bà V vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L vì theo bà giữa ông bà không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ lâu nên không thể hàn gắn.

Bản thân ông L biết rõ việc bà V yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa làm việc để trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà V mà bỏ mặc, điều đó thể hiện ông L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử ông L có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời thể hiện nguyện vọng là đồng ý ly hôn với bà V, bản thân ông L cũng đã xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Lời trình bày của người làm chứng là con ruột của ông L và bà V cũng xác nhận trong quá trình chung sống giữa ông L và bà V cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay.

Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của bà V là có căn cứ, mâu thuẫn giữa bà V và ông L là có thật và trầm trọng, dẫn tới cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật

Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu bà V về việc ly hôn với ông L.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống bà V và ông L có 03 con chung là Trần Văn H, sinh ngày 28/12/2003, Trần Hoàng M, sinh ngày 06/6/2006 và Trần Gia L, sinh ngày 24/7/2016. Cháu Trần Văn H đã trưởng thành nên không giải quyết. Hiện các cháu M, L đều đang sống chung với bà V. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà V cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung chưa thành niên. Tại bản tự khai các cháu M, L cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ đến tuổi trưởng thành. Ông L đồng ý giao hai con chung chưa thành niên cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi ly thân bà V vẫn đảm bảo việc chăm sóc nuôi dạy các con chung nên để đảm bảo cho các cháu có điều kiện sống tốt nhất, cần chấp nhận yêu cầu của bà V về việc nuôi con chung, bà V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Hoàng M và Trần Gia L đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Việc bà V không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần công nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà V xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà V phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Chem Thị Thu V.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Chem Thị Thu V được ly hôn với ông Trần Văn L.

+ Về con chung: Bà Chem Thị Thu V và ông Trần Văn L có 03 con chung là Trần Văn H, sinh ngày 28/12/2003, Trần Hoàng M, sinh ngày 06/6/2006 và Trần Gia L, sinh ngày 24/7/2016. Cháu Trần Văn H đã trưởng thành nên không giải quyết. Theo nguyện vọng của các cháu M, L, bà Chem Thị Thu V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Trần Hoàng M, sinh ngày 06/6/2006 và Trần Gia L, sinh ngày 24/7/2016 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà V về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Chem Thị Thu V không có yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Chem Thị Thu V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005003 ngày 06-12-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà V đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06-6-2023), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TPBR;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS TPBR;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Anh

